

Số: 306/2022/QĐST-HNGĐ

G, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 241/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trương Hoàng D, sinh năm: 1988

Địa chỉ cư trú: Số B/17 đường Phan Văn T, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Phạm Thị Uyên T, sinh năm: 1990

Địa chỉ cư trú: Số B/17 đường Phan Văn T, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa anh Trương Hoàng D và chị Phạm Thị Uyên T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 161 ngày 07/10/2017 của Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu của đương sự và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/3/2022 anh Trương Hoàng D và chị Phạm Thị Uyên T yêu cầu Tòa án

công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung hai bên xác định không có. Tài sản chung anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, anh D và chị T thật sự tự nguyện ly hôn, hai bên xác định không có con chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Trương Hoàng D và chị Phạm Thị Uyên T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 161 ngày 07/10/2017 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, TP. Hồ Chí Minh cấp cho anh D và chị T hết hiệu lực.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Hoàng D và chị Phạm Thị Uyên T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được cân trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh D và chị T đã đóng tạm ứng lệ phí theo biên lai số AA/2021/0047768 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận G;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận G;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thành Huế

